Phật Lịch 2552 / 2008

ཨཱ། རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔའི་བསྒོམ་བླུན་བཀྲིགས་སོ།།

Mật Pháp Thiền Định Phật Kim Cang Tát Đỏa
Vajrasattva Meditation Prayer
Prières de Méditation du Bouddha Vajrasattva

TRUNG TÂM VĂN THÙ SƯ LỢI
MANJUSHRI BUDDHIST CENTER
CENTRE BOUDDHISTE MANJUSHRI
Montréal, Canada

Ấn bản lần thứ nhất tháng giêng năm 2006.
Thành phần ban dịch kinh do Trung Tâm Văn Thù Sư Lợi tại Longueuil, Québec, Canada như sau:

- Tạng ngữ do Geshe Norbu Phuntsok.
- Việt ngữ do Sonam Nyima Chân Giác (Bùi Xuân Lý) soạn.
- Bản dịch Anh ngữ một phần đã được trích từ các phiên dịch của Lamrim Bristol Center, Anh quốc và do Kristyna Paknys, Pháp do Sonam Nyima Chân Giác.

First Edition in january 2006.
Composition of the translation group from Manjushri Center, Longueuil, Quebec, Canada:

- Tibetan scriptures by the following monks: Sera Mey Khen Rinpoche Lobsang Jamyang and Geshe Norbu Phuntsok.
- Vietnamese translation by Sonam Nyima Chân Giác (Ly Bui).
- Partly of the English translation is from Lamrim Bristol Center in United Kingdom, partly by Kristyna Paknys. The french translation is by Sonam Nyima Chân Giác (Ly Bui).

Première Édition en janvier 2006.
Composition du groupe de traduction du Centre Manjushri, Longueuil, Québec, Canada:

- Les écritures tibétaines par les moines: Sera Mey Khen Rinpoche Lobsang Jamyang et Geshé Norbu Phuntsok.
- Traduction vietnamienne par Sonam Nyima Chân Giác (Ly Bui).
- Le traduction anglaise provient partiellement du Centre Lamrin Bristol, Royaumes-Unis, partiellement de Kristyna Paknys. La traduction française est par Sonam Nyima Chân Giác (Ly Bui).

༦། རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔའི་བསྒོམ་བཟླས་བཞུགས་སོ།།

Mật Pháp Thiền Định đức Phật Kim Cang Tát Đỏa
Vajrasattva Meditation Prayer
Prières de Méditation du Bouddha Vajrasattva

1. Đảnh lễ, Cúng dường và Quy Y - Prostration, Offerings and Refuge - Prosternation, Offrandes et Refuge

༦། །སྟོན་པ་བཅོམ་ལྡན་འདས་དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་དགྲ་བཅོམ་པ་ཡང་དག་པར་རྫོགས་པའི་སངས་རྒྱས་རིགས་པ་

Tön pa chom den de de zhin shek pa dra chom pa yang dak par dzok pay sang gye rik pa
Trước Đấng Giáo Chủ Bạt Già Phạm Như Lai Tam Miệu Tam Bồ Đề viên mãn trí tuệ và
To the Founder Bhagavan Tathagata Arhat Samyak SamBuddha, Endowed with wisdom and
Devant le fondateur, Bhagavan, Tathagata, Arhat, Éveillé Parfait Suprême, Doué de sagesse et de

དང་ཞབས་སུ་ལྡན་པ་བདེ་བར་གཤེགས་པ་འཇིག་རྟེན་མཁྱེན་པ། རྒྱལ་བུ་འདུལ་བའི་ཁ་ལོ་བསྒྱུར་བ། ཌྭ་ན་མེད་པ།

dang zhap su den pa de war shek pa jik ten kyen pa. Kye bu dül way ka lo gyur wa. La na me pa
công đức, Đáo Bỉ Ngạn, Chánh Biến Tri, đấng Vô Thượng, vị Đạo sư giáo hoá chúng sinh,
merit, Gone To Bliss, Knower of the World, the Unsurpassed, Steersman taming beings,
mérite, Réalisateur de Félicité, Savant de l'Univers, Le Guide Sans Égale des êtres à se maitriser,

ལྷ་དང་མི་རྣམས་ཀྱི་སྟོན་པ། སངས་རྒྱས་བཅོམ་ལྡན་འདས་དཔལ་རྒྱལ་བ་ཤཱཀྱ་ཐུབ་པ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Lha dang mi nam kyi tön pa. Sang gye chom den de pel gyel wa sha kya thup pa la chak tsel lo.
Thiên Nhân Sư, Bạt Già Phạm, Phật, Thế Tôn Thích Ca,
Teacher of humans and gods, Bhagavan, Buddha, glorious Conqueror Shakyamuni.
Maître des dieux et de l'homme, Bhagavan, Bouddha, Conquéreur glorieux Shakyamouni.

མཆོད་དོ་སྐྱབས་སུ་མཆི་འོ། ལན་གསུམ།

chö do kyap su chi'o. (3x)
Đệ tử xin đảnh lễ, cúng dường và quy y.
I prostrate, offer and go for refuge.
Je me prosterne, fais des offrandes et je prends refuge.

།གང་ཚེ་ཤར་གཉིས་གཙོ་བོ་བྱོང་བལྟམས་ཚེ། །ས་ཆེན་འདི་ལ་གོམ་པ་བདུན་བོར་ནས།

Gang tse kang nyi tso wo kyö tam tse. Sa chen di la gom pa dün bor ne.
Khi người, vị Tộc trưởng đản sanh, bước bảy bước chân trên mặt đất vĩ đại,
When You, Chief on Two Legs, were born, Taking seven strides on this great earth,
Quand Vous, Chef sur Deux Jambes, êtes né, Faisant sept pas sur cette grande terre,

ང་ནི་འཇིག་རྟེན་འདི་ན་མཆོག་ཅེས་གསུངས། དེ་ཚོ་མཁས་པ་བྱོང་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Nga ni jik ten di na chok che sung. De tse ke pa kyö la chak tsel lo.
Và tuyên ngôn, duy ngã độc tôn, và sau đó, chư thánh hiền đến đảnh lễ người !
You said, I am supreme in this world, And then, to You, the wise paid homage!
Vous proclamez, Je suis suprême dans ce monde, Dès lors, les sages rendent hommage à Vous!

།རྣམ་དག་སྐུ་མངའ་མཆོག་ཏུ་གཟུགས་བཟང་བ། །ཡེ་ཤེས་རྒྱ་མཚོ་གསེར་གྱི་ལྷུན་པོ་འདྲ།

Nam dak ku nga chok tu zuk zang wa. Ye she gya tso ser gyi hlün po dra.
Sinh ra với Thân thanh tịnh, Sắc thân người cực kỳ cao quý, là Biển Trí Tuệ, như đỉnh núi vàng Tu Di.
Endowed with pure Body, Form supremely excellent, Ocean of wisdom, like a golden Mount Sumeru.
Doué d'un Corps pure, d'une Forme suprêmement excellent, Océan de sagesse, comme le Mont Mérou en or.

།གྲགས་པ་འཇིག་རྟེན་གསུམ་ན་ལྷམ་མེ་བ། །མགོན་པོ་མཆོག་བརྙེས་བྱོད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Drak pa jik ten sum na lham me wa. Gön po chok nye kyö la chak tsel lo.
Vang danh khắp ba cõi, đấng Hộ Trì Giác Ngộ Tối Thượng, xin đảnh lễ Người
Renown outstanding in these three realms, Supremely Realized Protector, homage to You.
Renommé éminente dans ces trois royaumes, Protecteur Suprêmenent Réalisé, hommage à Vous.

།མཚན་མཆོག་ལྡན་པ་དྲི་མེད་བླ་བའི་ཞལ། །གསེར་མདོག་འདྲ་བ་བྱོད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Tsen chok den pa dri me da way zhel. Ser dok dra wa kyö la chak tsel lo
Thân người đủ các tướng quý, khuôn mặt trăng rằm sáng ngời, sắc vàng, xin đảnh lễ Người.
Endowed with supreme signs, stainless moon of a face, Like gold in color, homage to you.
Doué des signes suprêmes, avec une face de lune immaculée, Comme la couleur de l'or, hommage à Vous.

།རྡུལ་བྲལ་བྱོད་འདྲ་སྲིད་པ་གསུམ་མ་མཆིས། །མཉམ་མེད་མཁྱེན་ཆེན་བྱོད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Dül drel kyö dra si pa sum ma chi. Nyam me kyen chen kyö la chak tsel lo.
Vô nhiễm, toàn ba cõi chẳng ai sánh bằng, Đấng Vô Đẳng Trí, xin đảnh lễ Người!
Unsullied, there are none like You in these realms, One of Peerless Wisdom, homage to you!
Immaculé, il n'y a aucun comme Vous dans ces trois royaumes, Vous, avec de la Sagesse Sans Égale, hommage à Vous!

།མགོན་པོ་ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ལྡན་པ། །ཐམས་ཅད་མཁྱེན་པས་སྟོན་པ་པོ། །བསོད་ནམས་ཡོན་ཏན་རྒྱ་མཚོ་ཞིང་།

Gön po tuk je che den pa. Tam che kyen pay tön pa po. So nam yön ten gya tso zhing.
Đấng Hộ Trì Đại Từ Bi, là bậc Toàn Trí Sư, là ruộng công đức đầy biển đức hạnh,
Greatly Compassionate Protectors, Omniscient Teachers, A merit field of oceanic qualities,
Grands Protecteurs Compassionnés, Maitres Omniscients, Un champs de mérite plein de qualités océanique,

།དེ་བཞིན་གཤེགས་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །དགེ་བས་འདོད་ཆགས་བྲལ་བར་གྱུར། །དགེ་བས་ངན་སོང་ལས་གྲོལ་ཞིང་།

De zhin shek la chak tsel lo. Dag pay dö chak drel war gyur. Ge way ngen song le dröl zhing.
Xin đảnh lễ chư Như Lai, Từ ngã chấp chuyển vào thanh tịnh, Từ các cõi thấp mà giải thoát vào đức hạnh,
Homage to the Tathagatas. From clinging parted through purity. From lower realms freed through virtue,
Hommage aux Tathagatas. Vous transformez l'attachement en pureté. Vous libérez les royaumes inférieurs grâce au vertu,

།གཅིག་ཏུ་དོན་དམ་མཆོག་གྱུར་པ། །ཞིང་གྱུར་ཆོས་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །གྲོལ་ནས་གྲོལ་བའི་ལམ་ཡང་སྟོན།

Chik tu dön dam chok gyur pa. Zhi gyur chö la chak tsel lo. Dröl nay dröl way lam yang tön.
Là Pháp tối thượng rốt ráo duy nhất, đệ tử xin đảnh lễ Pháp an hòa. Đã giải thoát, nhưng trụ lại để chỉ con đường giải thoát cho các chúng sinh,
The single supreme ultimate object, I prostrate to Dharma which is peace. Freed yet showing the liberating path,
Étant le seul objet suprême et ultime, Je me prosterne au Dharma qui est la paix. Libéré, mais tout en exposant la voie de libération,

།བསྲུང་པ་དག་ལ་རབ་ཏུ་གནས། །ཞིང་གི་དམ་པ་ཡོན་ཏན་ལྡན། །དགེ་འདུན་ལ་ཡང་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Lap pa dak la rap tu ne. Zhing gi dam pa yön ten den. Gen dun la yang chak tsel lo.
Hành trì trụ trong giới hạnh thanh tịnh, là Ruộng tối thắng, viên mãn mọi đức hạnh, đệ tử xin đảnh lễ Tăng Già.
Fully abiding in pure trainings, Best of fields, endowed with qualities, I prostrate to the Sangha as well.
Totalement demeurant dans les entrainements pures, le Meilleur des champs, doué de qualités, Je me prosterne aussi devant le Sangha.

།སངས་རྒྱས་གཙོ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །སྐྱོབ་པ་ཆོས་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །དགེ་འདུན་ཆེ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Sang gye tso la chak tsel lo. Kyop pa chö la chak tsel lo. Ge dün che la chak tsel lo.
Trước đức Phật Thế Tôn, đấng Giáo chủ, Trước Pháp bảo, Hộ Trì, đệ tử xin đảnh lễ. Trước Tăng bảo, Vô Lượng, đệ tử xin đảnh lễ.
To Lord Buddha, the Chief, I prostrate. To Dharma, the Protector, I prostrate. To the Sangha, Great in Number, I prostrate.
Devant le Seigheur Bouddha, je me prosterne. Devant le Dharma, le Protecteur, je me prosterne. Devant le Sangha, Grand en Nombre, je me prosterne.

།གསུམ་ལ་རྟག་ཏུ་གུས་ཕྱག་འཚལ། །ཕྱག་བྱར་འོད་པ་ཐམས་ཅད་ལ། །ཞིང་རྡུལ་ཀུན་གྱི་གྲངས་སྙེད་ཀྱི།

Sum la tak tu gü chak tsel. Chak jar wö pa tam che la. Zhing dül kün gyi drang nye kyi.
Đệ tử luôn đảnh lễ cung kính (đến chư) Tam bảo. Trước toàn chư Tôn Đức, Với sắc thân chư vị nhiều vô lượng như các vi trần trong thế giới,
I always bow respectfully to (those) Three. To all who are worthy of homage, With bodies as numerous as all the dust particles
Je me prosterne toujours devant (ceux) Trois. Devant tous ceux qui mérite de se rendre hommage, Avec les corps aussi nombreux que les particules de poussières

།ལུས་བཏུད་པ་ཡིས་རྣམ་ཀུན་ཏུ། །མཆོག་ཏུ་དད་པས་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །རྐར་མ་རབ་རིབ་མར་མེ་དང།

Lü tü pa yi nam kün tu. Chok tu day pay chak tsel lo. Kar ma rap rip mar me dang.
đệ tử xin đảnh lễ. Với tín tâm, đệ tử xin đảnh lễ (chư) Tối Thượng. Như ánh sao, ảo ảnh, đèn bơ,
in the world I bow. With faith, I prostrate to (those) Supreme Ones. Like a star, a mirage, a lamp,
dans ce monde, je me prosterne. Avec grande foi, je me prosterne devant (ceux) des Êtres Suprêmes.
Comme une étoile, mirage, lampe

།སྒྱུ་མ་ཟིལ་པ་ཆུ་བུར་དང། །རྨི་ལམ་གློག་དང་སྤྲིན་བྱ་བུ། །འདུས་བྱས་ཆོས་རྣམས་དེ་བཞིན་ཏེ།

Gyu ma zil wa chu bur dang. Mi lam lok dang trin ta bu. Dü je chö nam de tar ta.
Ảo ảnh, sương mai, bọt bóng, Mộng ảo, tia chớp, và mây, Hãy quán các pháp giả duyên như vậy.
Illusions, drops of dew, bubbles, Dreams, lightning and clouds, Look at all conditioned phenomena as such.
Illusions, rosées, et bulles. Rêves, éclair, et nuages, Contemplez tous les phénomènes conditionnés comme le mirage.

།བསོད་ནམས་འདི་ཡིས་ཐམས་ཅད་གཟིགས་པ་ཡི། །གོ་འཕང་ཐོབ་ནས་སྐྱོན་གྱི་དགྲ་བཏུལ་ཏེ།

Sö nam di yi tam che zik pa yi. ***Go pang top ne kyön gyi dra tül te.***
Nhờ các công đức, đã tích tụ được, giúp đạt tâm thức toàn trí, chiến thắng mọi lỗi lầm thù nghịch,
Through this merit, having attained the all-seeing state, and thereby having subdued the enemy of faults,
À travers cette mérite, ayant accumulée, nous atteignons l'état omniscient, ayant maitrisé les défauts adverses,

།རྒ་དང་ན་དང་འཆི་བའི་རྦབས་འཐུན་པའི། སྲིད་པའི་མཚོ་ལས་འགྲོ་བ་སྒྲོལ་བར་བྱེད། །

Ga dang na dang chi way lap truk pay. ***Si pay tso le dro wa dröl war sho.***
Xin nguyện cho con giải thoát mọi chúng sinh trầm luân trong biển khổ, bị vùi dập trong sóng phiền não của già lão, bệnh và chết,
May I liberate migrators from the ocean of existence, stirred by the waves, of aging, sickness, and death.
Puissé-je libérer les migrateurs de l'océan de l'existence, brassés par les vagues pertubatrices, De la viellesse, la maladie, et la mort,

Quy Y - Refuge

།དཀོན་མཆོག་གསུམ་ལ་སྐྱབས་སུ་འགྲོ། །སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་བདག་གིས་སྒྲོལ།

Kön chög sum la kyap su dro. ***Sem chen tam che dag gi dröl.***
Đệ tử xin quy y Tam Bảo: Và xin nguyện giải thoát mọi chúng sinh hữu tình,
I go for refuge to the Triple Gem: I shall liberate all sentient beings,
Je prends refuge aux Trois Joyaux: Je vais libérer tous les êtres sentants,

།བྱང་ཆུབ་གནས་ལ་འགྲོ་བར་བགྱི། །བྱང་ཆུབ་སེམས་ནི་ཡང་དག་བསྐྱེ། ལན་གསུམ།

Jang chup nä la gö par gyi. ***Jang chup sem ni yang dag kye. (3x)***
Để dẫn dắt các chúng sinh đến bờ Giác Ngộ. Đệ tử xin phát Tâm Nguyện thanh tịnh Giác Ngộ (3x)
To lead them to an Enlightened State, I generate purely an Enlightened Motive.
Et les guider à l'état de l'Éveil suprême, Je me génère des Motivations pure d'Éveil Suprême.

2. Tứ Vô Lượng Tâm - Four Immeasurables – Les Quatre Incommensurables

།སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་བདེ་བ་དང་བདེ་བའི་རྒྱུ་དང་ལྡན་པར་གྱུར་ཅིག

sem chen tam che de wa dang de wi gyur dang den par gyur chig
Xin nguyện cho mọi chúng sinh an lành và tạo nhân để được an vui.
May all sentient beings have happiness and the cause of happiness.
Puissent tous les êtres posséder le bonheur et la cause du bonheur.

།སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྡུག་བསྔལ་དང་སྡུག་བསྔལ་གྱི་རྒྱུ་དང་བྲལ་བར་གྱུར་ཅིག

sem chen tam che dug ngel dang dug ngel gyi gyur dang drel war gyur chig
Xin nguyện cho mọi chúng sinh giải thoát khỏi khổ đau và tiêu trừ các nhân tạo khổ đau,
May all sentient beings be free from suffering and the cause of suffering.
Puissent tous les êtres être libérés de la souffrance et des causes de la souffrance.

།སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྡུག་བསྔལ་མེད་པའི་བདེ་བ་དང་མི་འབྲལ་བར་གྱུར་ཅིག

sem chen tam che dug ngel med pi de wa dang mi drel war gyur chig
Xin nguyện cho mọi chúng sinh không lìa an vui, tức là không có khổ đau,
May all sentient beings not be separated from the happiness that is without suffering.
Puissent tous les êtres ne jamais être séparés du bonheur c'est à dire sans souffrance.

།སེམ་ཅན་ཐམས་ཅད་ཉེ་རིང་ཆགས་སྡང་གཉིས་དང་བྲལ་བའི་བཏང་སྙོམས་ལ་གནས་པར་གྱུར་ཅིག ལན་གསུམ།

sem chen tam che nye ring chag dang nyi dang drel wi tang nyom la ne par gyur chig. (3X)
Xin nguyện cho mọi chúng sinh trụ trong hạnh xả, không chấp thủ và sân hận (với những chúng sinh chấp thủ) xa gần. (3X)
May all sentient beings abide in equanimity, free of attachment and hatred (for those held) close and distant. (3X)
Puissent tous les êtres demeurer dans l'équanimité, sans attachement ni aversion (envers ceux qui le sont) proches ou distants. (3X)

།གང་གིས་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང། །འགག་པ་མེད་པ་སྐྱེ་མེད་པ། །ཆད་པ་མེད་པ་རྟག་མེད་པ།

Gang gi ten ching drei war jung. Gak pa me pa kye me pa. Che pa me pa tak me pa.
Tất cả các pháp đều do duyên khởi mà sinh ra, vốn không sanh không diệt,
Whatever is interdependent, arising from connection, is without cessation and without birth,
Tous,ce qui est inter-dépendant, né de connexion, est sans cessation, ni naissance,

།འོང་པ་མེད་པ་འགྲོ་མེད་པ། །ཐ་དད་དོན་མིན་དོན་གཅིག་མིན། །སྤྲོས་པ་ཉེར་ཞི་ཞི་བསྟན་པ།

Wong pa me pa dro me pa. Ta day dön min dön chik min. Trö pa nyer zhi zhi ten pa.
không thường cũng không đoạn, không đi cũng không đến, chẳng khác cũng chẳng một. Như thế, thoát khỏi mọi lý luận nhị nguyên là an lạc tịch tĩnh.
without existence or non-existence, without coming or going, without separation or unity. Thus, freedom from duality thought is peace.
sans existence, ni non-existence, sans venir, ni aller, sans séparation, ni unité. Ainsi, étant libéré de la pensée de dualité, est la paix.

།རྫོགས་པའི་སངས་རྒྱས་སྨན་རྣམས་ཀྱི། །དམ་པ་དེ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Zok pay sang gye ma nam kyi. Dam pa de la chak tsel lo.
Đệ tử xin đảnh lễ Phật toàn thiện, là đấng tôn quý và vô đẳng trong các chư hiền thánh.
I bow to the perfect Buddha, among sages most noble and supreme.
Je me prosterne devant le Bouddha parfait, le plus noble et suprême parmi les sages.

།ཉན་ཐོས་ནི་བ་ཚོལ་རྣམས་ཀུན་ཤེས་ཉིད་ཀྱིས་ཉེར་ཞིར་གྲི་མཛད་གང་ཡིན་དང།

Nyen tö zhi wa tsöl nam kün shay nyi kyi nyer zhir tri dze gang yin dang.
Trước toàn giáo lý đã giúp chư Thanh Văn khai ngộ trí tuệ dẫn đến tịch tĩnh an hòa,
To all instructions which lead to complete pacification produced by the knowledge which Hearers seek,
Devant toutes les instructions qui mènent à la pacification complète, produite par la sagesse que les Auditeurs cherchent à accomplir,

།འགྲོ་ལ་ཕན་པར་བྱེད་རྣམས་ལམ་ཤེས་ཉིད་ཀྱིས་འཇིག་རྟེན་དོན་སྒྲུབ་མཛད་པ་གང།

Dro la pen par je nam lam shay nyi kyi jik ten dön drup dze pa gang.
Trước tất cả các hành trì thành tựu trong thế giới, nhờ khai ngộ trí tuệ đạo, mang lại lợi lạc cho mọi chúng sinh,
To all accomplished activities in the world, produced by the knowledge of the path which brings benefit to all beings,
Devant tous les accomplissements des activités dans ce monde, qui sont produits par la réalisation de sagesse de la voie, qui apportent de bénéfices à tous les êtres sentants,

།གང་དང་ཡང་དག་ལྡན་པས་ཐུབ་རྣམས་རྣམ་པ་ཀུན་ལྡན་སྨྲ་ཆོགས་འདི་གསུངས་པ།

Gang dang yang dak den pay thup nam nam pa kün den na tshok di sung pa.
Trước Pháp ngữ hoàn toàn chứa đựng các phương tiện thiện xảo
To the Speech completely endowed with perfect skilful means,
Devant les Paroles complètement douées des moyens habiles,

།ཉན་ཐོས་བྱང་ཆུབ་སེམས་དཔའི་ཚོགས་བཅས་སངས་རྒྱས་ཀྱི་ནི་ཡུམ་དེ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Nyen tö jang chup sem pay tsok che sang gye kyi ni yum de la chak tsel lo.
Trước vị từ Mẫu của chư Phật, chư Bồ Tát, và chư Thanh Văn, đệ tử xin đảnh lễ.
To that Mother of the Buddhas, Bodhisattvas and Hearers, I prostrate.
Devant la Mère des Bouddhas, des Bodhisattvas et des Auditeurs, je me prosterne.

།རྟོག་པའི་དྲ་བ་རྣམ་བསལ་ཅིང། །ཟབ་ཅིང་རྒྱ་ཆེའི་སྐུ་མངའ་བ། །ཀུན་ཏུ་བཟང་པོའི་འོད་ཟེར་དག

Tok pay dra wa nam sel ching. Zap ching gya che ku nga wa. Kün tu zang pö wö zer dak.
Sau khi phá bỏ toàn bộ tâm thức khái niệm nhị nguyên, Và khởi tâm rộng lớn thâm diệu, Trước ánh thanh tịnh quang của đức Phổ Hiền,
Having dispelled the web of conceptuality, Endowed with a form both vast and profound, To Samantabhadra’s pure light,
Ayant chassé la toile de conceptualité, Doué d’une forme à la fois vaste et profonde, Devant la lumière pure de Samantabhadra,

།ཀུན་ནས་འཕྲོ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

Kün ne tro la chak tsel lo.
Tọa rạng mọi phương, đệ tử xin đảnh lễ.
Radiating everywhere, I bow.
Rayonnant partout, je me prostene

3. Mật Pháp Thiền Định đức Phật Kim Cang Tát Đỏa
Meditation prayer of VajraSattva - Prières de Méditation du Bouddha Vajrasattva

རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔའི་བསྒོམ་བརྒྱས་ཀྱི། རང་གི་སྐྱོ་བོར་པཾ་ལས་པདྨ་དང་ཨཱ་ལས་ཟླ་བའི་དཀྱིལ་འཁོར་གྱི་སྟེང་དུ་ཧཱུྃ་ལས་རྡོ་རྗེ།

Rang gi ji wör PAM lä pedma dang AH lä da wi jil kor gyi teng du HUM lä dorje
Trên đảnh đầu con, khởi từ chủng tự PAM hiện ra đóa hoa sen. Trên đó, từ chủng tự AH, có Mạn Đà La hình nguyệt luân. Trên đó, từ chủng tự HUM hiện ra và hoá thành
On the crown of my head, from a PAM comes a lotus. And on it, form an AH a moon-disc mandala. On top of this, from a HUM comes a five-spoked white vajra,
Sur la couronne de ma tête, de la syllable PAM apparaît un lotus. Sur cela, un disque lunaire mandala apparaît, et au dessus la syllable AH. Le tout transforme en syllable HUM et de son tour transformée en un vajra de cinq branches.

ཀར་པོ་རྩེ་ངྷ་པ་ཏེ་བ་ལ་ཧཱུྃ་གིས་མཚན་པ་དེ་ལས་འོད་ཟེར་འཕྲོས་འདུས་ཡོངས་སུ་གྱུར་པ་ལས།

kar po tse nga pa te wa la HUM gi tsen pa de lä wö zer trül dü yong su gyir pa lä
chùy Kim Cang năm nhánh trắng, chính giữa chùy là chủng tự HUM. Từ đó ánh sáng tỏa ra khắp mười phương và hội tụ trở lại,
The hub of which is marked with a HUM. From this, light rays emanate and collect back together,
Son centre est marqué d'une syllable HUM. De cela, les rayons de lumières jaillissent et se retournent tout-ensemble,

།རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔལ་སྐུ་མདོག་དཀར་པོ་ཞལ་གཅིག་ཕྱག་གཉིས་རྡོ་རྗེ་དང་དྲིལ་བུ་འཛིན་པ།

Dorje sempäl ku dög kar po zhäl tchig tchag ni kyi dorje dang dril bu tsin pa
thị hiện thành Đức Phật Kim Cang Tát Đỏa với sắc thân trắng, một mặt và hai tay, cầm chùy Kim Cang và chuông, ôm trong lòng,
transforming into a Vajrasattva with a white-coloured body, one face and two arms, holding a vajra and bell and embracing,
transformant en forme de Vajrasattva avec un corps de couleur blanche, une face et deux bras, tenant un vajra et une cloche tout en embrassant,

།ཡུམ་རྡོ་རྗེ་སྙེ་མ་མ་དཀར་མོ་ཞལ་གཅིག་ཕྱག་གཉིས་གྲི་གུག་དང་ཐོད་པ་འཛིན་པས་འཚུད་པ།

yum dorje nyem ma kar mo zhäl tchig tchag ni kyi dri gug dang töd pa tzin pä chüd pa
Đức Phật Mẫu Kim Cang Nyemma, với sắc thân trắng, một mặt và hai tay, cầm đoản đao và chén sọ người.
the motherly consort Dorje Nyemma, white, with one face and two arms, holding a cleaver and skull-cup.
la consoeur mère Dorje Nyemma, en couleur blanche, avec une face et deux bras, tenant un couperet et un bol fait d'un crâne,

།གཉིས་ཀའ་འང་དར་གྱི་ནས་བཟའ་དང་རིན་པོ་ཆེའི་རྒྱན་སྣ་ཚོགས་པས་བརྒྱན་པ།

ni kä ang dar gyi na za dang rin po chei gyän na tsog pä gyen pa
Hai vị đều mang khăn lụa và nhiều trang sức qúy báu khác.
Both are adorned with silken scarves and various jewelled ornaments.
Les deux sont embellis avec des écharpes en soie et des bijoux ornementaux variés.

།ཡབ་རྡོ་རྗེའི་སྐྱིལ་ཀྲུང་གིས་བཞུགས་པ། དེའི་ཐུགས་ཀར་ཟླ་བའི་སྟེང་དུ་ཧཱུྃ་ཡིག་དཀར་པོ།

yap dorje kyil drung gi zhug pa. Dei tug kar da wei teng du HUM yig kar po.
Đức Phật cha (Kim Cang Tát Đỏa) an tọa trong tư thế Kim Cang, và trong tim người có chủng tự HUM nằm trên đĩa mặt trăng
The father sits in the vajra position, and in his heart on a moon is a white syllable HUM,
Le père s'assoie en position de vajra, à son cœur est la syllable HUM sur un disque lunaire,

།དེ་ལས་འོད་ཟེར་འཕྲོས། རང་འདྲའི་ཡེ་ཤེས་པ་སྤྱན་དྲངས། གཉིས་སུ་མེད་པར་གྱུར།

De lä wöd zer drö . Rang drei ye she pa tchän drang. Ni su med par gyur.
Từ đó ánh sáng tỏa ra khắp mười phương, thỉnh chư Phật Đại Trí như người thị hiện nơi đây. Toàn thể chư Phật hòa nhập vào nhau và trở thành bất nhị.
from which light rays emanate inviting forth wisdom-beings who are like himself. They (combine and) become non-dual.
de cela, sont émanés des rayons de lumière invitant les êtres de sagesse comme lui-même de venir. Ils (se dissolvent ensemble et) deviennent indivisibles.

།སྣར་ཡང་ཐུགས་ཀའི་ཧཱུྃ་ལས་འོད་ཟེར་འཕྲོས། དབང་གི་ལྷ་སྤྱན་དྲངས།

Lar yang tug kei HUM lä wöd zer drö. Wang gi lha tchen drang.
Một lần nữa từ chủng tự HUM nơi tim người, ánh sáng tỏa rạng, thỉnh chư Hộ Phật quán đảnh thị hiện.
Once again from a HUM at his heart light rays emanate and invite forth empowering deities.
Une fois de plus, de la syllable HUM à son cœur émane les rayons de lumière et invite les deités d'initiation.

།དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས་འདི་ལ་མངོན་པར་དབང་བསྐུར་དུ་གསོལ།

De zhin sheg pa tam che kyi di la ngön par wang kur du söl.
Hỡi toàn chư Phật Như Lai, xin ban lễ quán đảnh cho người.
O, all Tathagatha Buddhas, please confer empowerment on this one.
Ô, tous les Bouddhas tathagatha, s'il vous plait, conférez le pouvoir à celui-ci.

།ཞེས་གསོལ་བ་བཏབ་པས། དེ་རྣམས་ཀྱིས་ཡེ་ཤེས་ཀྱི་བདུད་རྩིས་གང་བའི་བུམ་པ་ཐོགས་ནས།

Zhe söl wa tap pä. De nam kyi ye she kyi du tsi gang wei bum pa tog nä.
Sau khi khẩn xin như thế, toàn chư Phật Như Lai cầm bình nước Cam Lồ trí huệ ban lễ quán đảnh, và chú nguyện:
Having thus been requested, they hold up vases filled with the nectar of wisdom and confer the empowerment saying,
Ayant été demandé ainsi, ils tiennent des vases pleines de nectar de sagesse et confèrent l'initiation en disant,

ཨོཾ་ཟ་ཏ་བྷ་ཏ་ཨཱ་བྷི་ཥེ་ཀ་ཏ་ས་མ་ཡ་ཤྲཱི་ཡེ་ཧཱུྃ།

om sar wa ta tha ga ta ah bhi she ka ta sa ma ya shri ye hung

།ཞེས་དབང་བསྐུར་སྐུ་ཡེ་ཤེས་ཀྱི་བདུད་རྩི་མགས། མི་བསྐྱོད་པས་དབུ་བརྒྱན་པར་གྱུར།

Zhe wang kur ku ye she kyi düd tsi gang. Mi kyöd pä bu gyen par gyur.
Sau khi được ban lễ quán đảnh, thân (Phật Kim Cang Tát Đỏa) tràn đầy nước Cam Lồ trí huệ và trên đảnh đầu ngài hiện ra Đức Phật Bất Động
Thus initiated, (Vajrasattvas) body becomes filled with the nectar of wisdom and his crown is adorned by Akshobhya.
Une fois initié, le corps de (Vajrasattvas) est rempli de nectar de sagesse et sa couronne est ornée du bouddha Akshobhya.

།བཅོམ་ལྡན་འདས་རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔལ། བདག་དང་སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཀྱི་སྡིག་སྒྲིབ་དང།

Tchom den de dorje sempäl . Dag dang sem tchen tam che kyi dig drip dang.
Hỡi Đấng Bạt Già Phạm Kim Cang Tát Đỏa, con cầu xin ngài rửa sạch và thanh tịnh hóa thân con và mọi chúng sinh hữu tình tất cả tội nghiệp và chướng ngại
O Bhagavan Vajrasattva, I request you to cleanse and purify myself and all sentient beings of our downfalls and obstacles,
Ô Bhagavan Vajrasattva, Je vous fait la requête de nettoyer et de purifier moi-même et tous les êtres sentants de nos dégradations et les obstacles,

།དམ་ཚིག་ཉམས་ཆག་ཐམས་ཅད་བྱང་ཞིང་དག་པར་མཛད་དུ་གསོལ། ཞེས་གསོལ་བ་བཏབ་པས།

Dam tsig nyam tchag tam che jang zhing dag par tsed du söl. Zhe söl wa tap pä.
cũng như các hành vi suy đồi, phạm giới, không giữ lời thệ nguyện danh dự. Sau khi khẩn xin như thế
as well as of our degenerated and broken words of honour. Having been thus requested
aussi bien que nos dégénérescence et transgression des nos engagements honorés. Ayant été demandé ainsi,

།ཐུགས་ཀཱཡི་ཧཱུྃ་ལས་འོད་ཟེར་འཕྲོས། སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཀྱི་སྡིག་སྒྲིབ་སྦྱངས།

Tug kei HUM lä wöd zer dröl. Sem tchen tam che kyi dig drip jang.
từ chủng tự HUM nơi tim Đức Kim Cang Tát Đỏa, ánh sáng toả rạng mười phương, rửa sạch tất cả chúng sinh hữu tình các tội nghiệp và chướng ngại,
from the HUM at his heart light rays emanate, cleansing all sentient beings of their downfalls and obstacles,
de la syllable HUM à son cœur, sont émanés les rayons de lumière, nettoyant tous les êtres sentants de leurs transgessions et obstacles.

།སངས་རྒྱས་སྲས་བཅས་ལ་མཉེས་པའི་མཆོད་པ་ཕུལ། དེ་རྣམས་ཀྱི་ཡོན་ཏན་ཐམས་ཅད་འོད་ཀྱི་རྣམ་པར་བསྡུས་

Sang gye sä tchä la nye pei tchöd pa pül. De nam kyi yön ten tam che wöd kyi nam par dü
và dâng cúng dường làm vui lòng toàn chư Phật cùng các Pháp tử. Tất cả các đức hạnh lại biến thành ánh sáng hội tụ trở lại.
and making offerings to please the Buddhas and their offspring. All their good qualities collect back together in the form of light,
et faisant des offrandes pour faire plaisir aux Bouddhas et leurs fils. Toutes leurs bonnes qualités se sont retournées ensemble en forme de lumière,

ནས་ཐུགས་ཀའི་ཏྲི་ལ་ཐིམ་པས་གཟི་བརྗིད་བརྩོན་དང་མཐུ་སྟོབས་ཕུན་སུམ་ཚོགས་པར་གྱུར།

nä tug kei HUM la tim pä zi jid dang tu top pün sum tsog par gyur.
và hoà tan vào chủng tự HUM nơi tim người, nhờ hào quang, thần lực và công năng của người trở thành tinh túy tối thượng.
which dissolves into the HUM at his heart, whereby his brilliance, power and strength become quintessence of the sublime.
qui se disolvent dans la syllable HUM à son cœur, de cela, sa brillance, puissance et force deviennent la quintessence du sublime.

ཨོཾ་བཛྲ་སཏྭ་མ་ཡ། ཨ་ནུ་པཱ་ལ་ཡ། བཛྲ་སཏྭ་ཏེ་ནོ་པ་ཏིཷ་ཏ། དྲྀ་ཌྷོ་མེ་བྷ་ཝ། སུ་ཏོ་ཀཱ་ཡོ་མེ་བྷ་ཝ།

Om Bandza-Satto Samaya Manu-Pulaya, Bandza Satto Teno Patikta, Dridho Me Bhawa, Suto Kayo Me Bhawa,
Om, đức Kim Cang Tát Đỏa, xin ngài hộ trì cho giới nguyện, xin nâng đỡ con, xin trụ an định trong con, Xin cho con kiên cường, xin cho con toại nguyện,
O Vajrasattva, keep your pledge, Vajrasattva reside in me, Make me firm, make me satisfied,
Ô Vajrasattva, Gardez votre engagement, Vajrasattva résidez en moi, Rendez-moi ferme, Satisfaisez-moi,

སུ་པོ་ཀཱ་ཡོ་མེ་བྷ་ཝ། ཨ་ནུ་རཀྟོ་མེ་བྷ་ཝ། ས་ཪྦ་སིདྡྷི་མྱི་པྲ་ཡ་ཏྭཾ་ས་ཪྦ་ཀ་ཪྨ་སུ་ཙ་མེ་ཙིཏྟཾ་ཕྱེ་ཡཱཿཙ་མེ་

Supo Kayo Me Bhawa, AnuRakto Me Bhawa, Sarwa Siddhi Me Pratyaya, Sarwa-Karma Sutza Me,
Xin cho con viên mãn, xin cho con phát từ bi tâm, Xin ban cho con thành tựu tất cả. Và cũng xin chuyển hoá tâm thức của con để
Fulfill me, make me compassionate, Grant me all siddhis. Also make my mind
Exaucez-moi, Rendez-moi compatissant, Accordez-moi tous les siddhis. Rendez également mon esprit

ཙིཏྟཾ་ཕྱེ་ཡཱཿཀུ་རུ་ཧཱུཾ། ཧ་ཧ་ཧ་ཧ་ཧོཿ བྷ་ག་ཝན་ས་ཪྦ་ཏ་ཐཱ་ག་ཏ། བཛྲ་མ་མེ་མུཏྠ། བཛྲ་བྷ་ཝ། མ་ཧཱ་ས་མ་ཡ་ས་ཏྭ་ཨཱཿཧཱུཾ་ཕཊ།།

Tsitam Shriyam Kuru Hung, Ha Ha Ha Ha Hoh, Bhagawan Sarva Tathagata, Bandza Ma Mey Muntsa, Bandza BhawaMaha Samaya Satto, Ah Hung Phet. (as many time as possible).
hành trì các thiện nghiệp, Hum, Ha Ha Ha Ha Hoh[1], Toàn chư Phật Như Lai Thế Tôn, Xin đừng bỏ con, xin cho con hòa nhập với người, Đức Đại Nguyện Bồ Tát. (tụng càng nhiều càng tốt)

[1] Ha Ha Ha Ha Hoh là biểu tượng của 5 loại chánh niệm ban sơ. Symbol of the 5 types of pristine awareness. Symbol des 5 types de conscience primitive.

virtuous in all actions Hum, Ha Ha Ha Ha Hoh[1] All the Blessed Tathagatas, Do not abandon me, make me indivisible, Great Pledge Being. (as many time as possible)
vertueux dans toutes mes actions, Hung, Ha Ha Ha Ha Hoh[1], Tout les Tathagatas Bénis, Ne m'abandonnez pas, Rendez-moi indivisible, Grand Être d'Engagement. (réciter autant que possible)

ཨོཾ་བཛྲ་སཏྠ་ཧཱུྃ

OM BENZA SATO HUM (tụng càng nhiều càng tốt), (as many time as possible) , (réciter autant que possible).

།བདག་ནི་མི་ཤེས་རྨོངས་པ་ཡིས། དམ་ཚིག་ལས་ནི་འགལ་ཞིང་ཉམས།

Dag ni mi she mong pa yi. Dam tsig lä ni gäl zhing nyam.
Vì vô minh và mê lầm, chúng con đã vi phạm những lời hứa nguyện danh dự và đã suy đồi.
Out of ignorance and delusion I have transgressed my words of honour and let them degenerate.
À cause de l'ignorance et de délusion, j'ai transgressé mes vœux honorés et les laissé dégénerés

།བླ་མ་མགོན་པོས་སྐྱབས་མཛོད་ཅིག །གཙོ་བོ་རྡོ་རྗེ་འཛིན་པ་སྟེ། །ཐུགས་རྗེ་ཆེན་པོའི་བདག་ཉིད་ཅན།

La ma gön pö kyap tzöd kyi. Tso wo dorje tzin pa te. Tug je tchen poi dag ni tchen.
Hỡi Đức Bổn Sư, vị Pháp Vương, vua của chúng sinh với lòng đại từ bi, chúng con
O Lama, lord master, lord of beings with a nature of great compassion,
Ô Lama, maître seigneurial, seigneur des êtres ayant la nature de grande compassion,

།འགྲོ་བའི་གཙོ་ལ་བདག་སྐྱབས་མཆི། །རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔའི་ཞལ་ནས་རིགས་ཀྱི་བུ།

Dro wei tso la dag kyap tchi. Dorje sem pä zhäl nä rig kyi bu.
kính xin quy y người. Và Đức Kim Cang Tát Đỏa đáp lời, này con của Phật, con đã được tẩy tịnh,
to you I turn for refuge. Vajrasattva replies, O son of the family, you are cleansed,
devant vous, je prends refuge. Alors, Vajrasattva a répondu, Ô fils de la famille, vous êtes nettoyé,

།ཁྱོད་ཀྱི་སྡིག་སྒྲིབ་དང་དམ་ཚིག་ཉམས་ཆག་ཐམས་ཅད་བྱང་ཞིང་དག་གོ

Kyöd kyi dig drip dang dam tsig nyam tchag tam che jang zhing dag go.
và thanh tịnh hóa tất cả các ác nghiệp và chướng ngại, cùng tất cả các hành vi suy đồi cũng như vi phạm lời nguyện hứa danh dự.
and purified of all your downfalls and obstacles, as well as your degenerated and broken words of honour.
et purifié de toutes vos transgressions et obstacles, aussi bien que vos voeux honorés qui ont été dégénérés et brisés

།ཞེས་གསུངས་ནས་རང་ལ་ཐིམ་པས་རང་གི་སྐོ་གསུམ་དང་རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔའི་སྐུ་གསུང་ཐུགས་དབྱེར་མི་ཕྱེད་པར་གྱུར།

Zhe sung nä rang la tim pä rang gi go sum dang dorje sempäi ku sung tug jer mi ched par gyur.
Rồi người hòa nhập vào thân con. Thân Khẩu Ý của con trở thành hợp nhất với Thân Khẩu Ý của Đức Kim Cang Tát Đỏa.
Then he dissolves into me and my body, speech and mind become inseparable from the body, speech and mind of Vajrasattva.
Et alors, il dissout en moi et mon corps, parole et esprit deviennent inseparable de corps, parole et esprit du Vajrasattva.

4. Hồi Hướng - Dedication

བསྔོ། དགེ་བ་འདི་ཡིས་མྱུར་དུ་བདག། །རྡོ་རྗེ་སེམས་དཔའ་འགྲུབ་གྱུར་ནས། །འགྲོ་བ་ཐམས་ཅད་ལུས་པ།

Ge wa di yi nyur du dag. Dorje sempa drup gyur ne. Dro wa tchig chang ma lü pa.
Nhờ tích tụ các công đức này, Xin cho chúng con được thành tựu nhanh chóng Phật tánh của Đức Kim Cang Tát Đỏa. Và cho tất cả các chúng sinh hữu tình không ngoại lệ, con xin nguyện
By the accumulation of this merit, may I quickly accomplish in reality Vajrasattva. And all sentient beings without exception,
Par l'accumulation de ce mérite, puissé-je accomplir rapidement l'état de Vajrasattva en réalité. Et aussi pour tous les êtres sentants sans exception,

།དེ་ཡི་ས་ལ་འགྲོ་དང་པར་ཤོག། །གངས་རི་རྡ་བས་བསྐོར་བའི་ཞིང་ཁམས་འདིར།

De yi sa la go par shog.
dẫn dắt đạt đến Phật tánh.
may I lead to that stage.
puissé-je les guider à cet état.

Gang ri ra way kor way zhing kam dir.
Trên Thanh Tịnh Xứ, bao quanh là núi tuyết,
In this Pure Land surrounded by the snowy mountains,
À la Terre Pure entourée par les montagnes enneigées,

།ཕན་དང་བདེ་བ་མ་ལུས་འབྱུང་བའི་གནས། སྤྱན་རས་གཟིགས་དབང་བསྟན་འཛིན་རྒྱ་མཚོ་ཡི།

Pen dang de wa ma lü jung way nay. Chen re zig wang ten zin gya tso yi.
Người là nguồn suối mọi phúc lợi và an lạc không ngoại lệ. Đấng Đại Lực Quán Thế Âm, Tenzin Gyatso
You are the source of all benefit and happiness, without exception. All powerful Avalokiteshvara, Tenzin Gyatso,
Vous êtes la source de toute bénéfice et de bonheur, sans exception. Le Tout-puissant Avalokiteshvara, Tenzin Gyatso,

།ཞབས་པད་སྲིད་མཐའི་བར་དུ་བརྟན་གྱུར་ཅིག། །འཇམ་དཔལ་དཔའ་བོས་ཇི་ལྟར་མཁྱེན་པ་དང།

Zhap pay si tay bar du tän gyur chik. Jam päl pa wö ji tar kyen pa dang
Xin người trụ thế cho đến khi cõi Ta bà chấm dứt. Đấng Đại Hùng Văn Thù Sư Lợi, nhận chân thực tánh mọi pháp,
May you remain until samsara ends. The heroic Manjushri, who comprehends reality as it is,
Que vous demeurez jusqu'à la fin de samsara. Le Manjoushri héroique, qui comprends la réalité telle qu'elle est,

།ཀུན་ཏུ་བཟང་པོ་དེ་བར་དེ་བཞིན་ཏེ། །དེ་དག་ཀུན་གྱི་རྗེས་སུ་བདག་སློབ་ཕྱིར།

Kün tu zang po de yang de zhin te. De dag kün gyi je su dag lop chir.
Đấng Tôn Quý Phổ Hiền cũng như thế. Nguyện hành trì theo chư vị,
The noble Samantabhadra comprehends in the same way. Training after the manner of all of them,
Le noble Samantabhadra aussi la comprends de la même manière. Entrainé suivant la manière de tous ceux-là.

།དགེ་བ་འདི་དག་ཏམས་ཅད་རབ་ཏུ་བསྔོ།།དུས་གསུམ་གར་གཤེགས་པའི་རྒྱལ་བ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས།

Ge wa di dag tam chä rap tu ngo. Dus sum shek pay rgyäl wa tam che kyi.
Đệ tử xin hồi hướng mọi công đức. Tất cả chư Thế Tôn trong ba đời,
I completely dedicate all my virtue. All the Conquerors who come in the three times,
Je dédie complètement tous mes vertus. Tous, les Conquéreurs qui se sont apparus dans les trois temps,

།བསྟོད་བ་གང་ལ་མཆོག་ཏུ་བསྔགས་པ་དེས། །བདག་གི་དགེ་བའི་རྩ་བ་འདི་ཀུན་ཀྱང།

Ngo wa gang la chok tu ngag pa de. Dak gi ge way tsa wa di kün kyang.
đều tán thán mọi tâm hồi hướng công đức, và cũng như thế, đệ tử xin hồi hướng toàn công đức,
greatly praise any dedication of merit, and so I will dedicate all these roots of virtue,
a grandement loué toute dédication de mérite, et pareillement, je dédie toutes les racines de vertus,

།བཟང་པོ་སྤྱོད་ཕྱིར་རབ་ཏུ་བསྔོ་བར་བགྱི།། །།

Zang po chö chir rap tu ngo war gyi.
để xin đạt thành tựu hành trạng của đức Phổ Hiền.
for the sake of practicing as did Samantabhadra.
dans le but de pratiquer tel ce qui est accompli par Samantabhadra.

5. Ghi chú - Notes:

Tứ lực tịnh hóa nghiệp

Muốn giải trừ nghiệp, ta cần phải có đủ Tứ lực tịnh hóa nghiệp (bốn lực giải trừ nghiệp):

1. Lực thành tâm quy y,
2. Lực sám hối tội lỗi,
3. Lực công đức hóa giải và
4. Lực quyết tâm chừa bỏ.

Phát lồ sám hối cần phải hành trì với sự hộ trì của đấng giác ngộ và nghi thức để diễn đạt sự thành tâm ăn năn, quyết tâm sám hối và tạo công đức giải trừ những ác nghiệp ta đã tạo tác trong quá khứ. Trong pháp môn này, lực thứ nhất là quy y nương tựa nơi sự hộ trì của đức Phật Kim Cang Tát Đỏa. Hãy quán tưởng ngài trên đảnh đầu của ta, hoàn toàn an tịnh và mỉm cười, tỏa rạng như là ngọn núi tuyết sáng rực rỡ khi phản chiếu tia sáng của muôn ngàn mặt trời. Đức Kim Cang an tọa trong tư thế liên hoa, trên đóa hoa sen trắng ngàn cánh và trên đĩa nguyệt luân. Bàn tay phải cầm chùy kim cang vàng, giữ nơi chính giữa tim người, bàn tay trái cầm chuông bạc tựa trên hông trái. Đức Kim Cang mang 13 trang sức của Báo thân Phật, mang pháp y bằng 5 thứ lụa là và 8 món trang sức châu báu bằng đá qúy. Người an tọa trong tư thế hòa hợp với Kim Cang Phật mẫu (Vajratopa), bàn tay phải cầm đao trủy thủ, bàn tay trái cầm chén sọ người đựng đầy nước Cam Lộ Bất Tử. Hãy quán tưởng Đức Kim Cang linh động như là một cầu vồng ngũ sắc, sống động nhưng với bản thể không tịnh chứ đừng quán tưởng ngài như là một người bằng xương thịt. Mặt khác, đừng quán tưởng Đức Kim Cang như một cầu vồng thật có mà chỉ quán ngài tràn ngập không gian với trí huệ và từ bi của toàn chư Phật. Hãy thiền quán ngài như là Đức Bổn Sư, thị hiện dưới dạng Đức Phật Kim Cang Tát Đỏa.

Lực thứ hai là lực sám hối, thành tâm ăn năn những tội lỗi, ác nghiệp đã tạo tác trong quá khứ. Nếu như ta đã ăn phải chất độc chết người mà không biết, chắc chắn ta sẽ cảm thấy tuyệt vọng khủng khiếp khi ta biết sẽ phải chết. Cũng như thế, cho đến bây giờ, ta vẫn chưa nhận thức được sức tàn phá của ác nghiệp mà ta đã tích tụ từ nhiều kiếp quá khứ. Hôm nay, nhận biết được những ác nghiệp này chính là nguyên nhân làm cho ta phải lăn lộn trong luân hồi và chịu nhiều đau khổ, ta cảm thấy ăn năn mạnh mẽ đã hành động sa đọa cẩu thả. Nếu như ta không thấy ăn năn thì ta sẽ vẫn còn tiếp tục tích lũy ác nghiệp và mãi mãi phải chịu đau khổ trả quả. Nhưng nay, ta đã nhận biết được là cần phải tẩy trừ các ác nghiệp đó, ta quay về quy y nơi Đức Kim Cang Tát Đỏa để thỉnh cầu phương cách giải trừ nghiệp.....

The four powers of purification

In order to purify negative actions completely, one needs four powers or strengths:

1. the Power of refuge,
2. the Power of regret,
3. the Power of the antidote, and
4. the Power of resolution.

Purification requires a support for us to express our remorse, make our confession and repair the effects of our past negative actions. In this case, the support is Vajrasattva. Visualise him above your head, utterly peaceful and smiling, brilliant white like a dazzling snow mountain illuminated by the rays of a hundred thousand suns. He is sitting in full vajra posture, upon a thousand-petalled white lotus and a moon disc. In his right hand he holds a golden vajra at his heart centre, and in his left, a silver bell resting on his hip.

Vajrasattva is wearing the thirteen Sambhogakaya adornments - the five silken garments and the eight jewelled ornaments. He is in union with his consort, Vajratopa, who holds a curved knife in her right hand and, in her left, a skull cup filled with amrita, the nectar of immortality. Visualise Vajrasattva not as someone made of flesh and blood, but like a rainbow in the sky, vivid yet empty. Unlike a rainbow, on the other hand, he is not simply something perceived physically, for he is pervaded with the wisdom and compassion of all the Buddhas. Think of him as your kind root teacher, appearing in the form of Vajrasattva.

The second power is the power of deep, intense remorse for one's past actions. If you had swallowed a virulent poison without realising it, you would certainly feel desperate when you found out you were going to die. Similarly, up to now you have not been aware of the devastating power that has accumulated from the negative actions you have committed throughout many past lives. Today, realising that these negative actions are the very cause of your wandering in samsara and of all your suffering, you feel a strong regret at having acted so carelessly. If you did not feel this regret, you would simply continue to accumulate negative actions and perpetuate your suffering. But now you realise that you need to purify yourself, so you turn to Vajrasattva to request the means to do so.....

Les quatres forces de purification

Dans le but de purifier complètement les actions négatives accumulées, nous avons besoin de déployer les quatres forces purificatrices:

1. la Force de refuge
2. la Force de regret
3. la Force de l'antidote, et
4. la Force de résolution

Purification exige un objet de refuge pour nous exprimer notre remord, de faire confession et réparer les effets de nos actions négatives passées. Dans cette pratique, notre objet de refuge est le bouddha Vajrasattva. Visualisez le bouddha sur votre couronne, totalement paisible et en souriant, de couleur blanche brillante comme une montagne enneigée illuminée par les rayons de centaines de milliers de soleil. Le bouddha s'asseoit en plein posture de vajra sur un lotus blanc de mille-pétales et sur un disque lunaire. Sa main droite tient un vajra en or près du centre de son coeur, sa main gauche tient une cloche en argent et reposant sur sa hanche. Vajrasattva porte les treize ornements Sambhogakaya – les cinq garnitures de soie et les huit bijoux ornementaux. Il est en union avec sa consoeur, Vajratopa, qui tient dans sa main droite un couperet courbé et dans sa main gauche un bol de crâne rempli d'amrita, c'est le nectar d'immortalité. Visualisez Vajrasattva non en chair et en os, mais plutôt comme un arc-en-ciel dans l'espace, vif éclatant, mais pourtant de nature vide. Cependant, pas tout à fait comme l'arc-en-ciel, dans le sens qu'il n'est pas à percevoir physiquement, car il s'infiltre de la sagesse et de la compassion de tous les bouddhas. Méditez de lui comme votre gourou-racine bienfaisant, apparaissant sous la forme de Vajrasattva.

La deuxième force est celle du regret profond et intense de vos actions négatives passées. Comme quand vous avalez un poison virulent sans le savoir, vous ressentez certainement désespéré au moment de réaliser que vous allez mourir. Pareillement, vous ne savez pas jusqu'à maintenant la puissance dévastatrice de actions négatives accumulées que vous avez commises depuis des temps sans commencement. Aujourd'hui, prenant conscience que ces actions négatives sont la vrai cause de votre vagabondage dans le samsara et la

cause de toutes vos souffrances, vous sentez un regret profond d'avoir réagi avec de telle insouciance. Si vous ne ressentez pas ce regret, vous allez simplement continuer d'accumuler les actions négatives et perpétuer votre souffrance. Mais maintenant, vous réalisez que vous avez besoin de vous purifier, alors, vous vous tournez vers le bouddha Vajrasattva pour faire la requête de vous donner le moyen de vous purifier…….